

Số: 776/BC - HĐND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 12 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2019, tỉnh Thanh Hóa**

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 07/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2019, tỉnh Thanh Hóa; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh một số nội dung sau:

#### **A. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2018, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phù hợp với các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; các quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài chính; Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2018; yêu cầu triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh năm 2019.

#### **B. KIẾN NGHỊ**

##### **I. ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2019, với các nội dung chủ yếu sau:

<b>1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:</b>	<b>26.642.000 triệu đồng</b>
<b>1.1. Thu nội địa:</b>	<b>15.542.000 triệu đồng</b>
1.1.1. Thu tiền sử dụng đất:	4.000.000 triệu đồng
1.1.2. Thu từ xổ số kiến thiết:	12.000 triệu đồng
1.1.3. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế:	10.000 triệu đồng
1.1.3. Thu nội địa còn lại:	11.520.000 triệu đồng

<b>1.2. Thu thuế xuất nhập khẩu:</b>	<b>11.100.000 triệu đồng</b>
<b>2. Tổng nguồn thu ngân sách địa phương:</b>	<b>30.277.901 triệu đồng</b>
<i>Bao gồm:</i>	
2.1. Thu nội địa điều tiết NSDP:	10.974.089 triệu đồng
2.2. Thu bổ sung từ ngân sách TW:	19.303.812 triệu đồng
<i>a. Thu bổ sung cân đối ngân sách:</i>	<i>14.587.651 triệu đồng</i>
<i>b. Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương:</i>	<i>767.383 triệu đồng</i>
<i>c. Thu bổ sung có mục tiêu:</i>	<i>3.948.778 triệu đồng</i>
- Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu:	1.020.003 triệu đồng
- Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu:	1.332.634 triệu đồng
- Bổ sung thực hiện các chương trình MTQG:	1.596.141 triệu đồng
<b>3. Tổng chi ngân sách địa phương:</b>	<b>30.277.901 triệu đồng</b>
<i>Bao gồm:</i>	
<b>3.1. Chi đầu tư phát triển:</b>	<b>7.997.339 triệu đồng</b>
3.1.1. Chi đầu tư XDCB từ nguồn cân đối NSDP:	5.461.760 triệu đồng
a. Chi XDCB vốn trong nước:	1.449.760 triệu đồng
b. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	4.000.000 triệu đồng
- Điều tiết ngân sách tỉnh:	500.000 triệu đồng
- Điều tiết ngân sách huyện, xã:	3.500.000 triệu đồng
c. Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	12.000 triệu đồng
3.1.2. Chi đầu tư vốn Trung ương bổ sung:	2.535.579 triệu đồng
a. Vốn trong nước:	2.067.325 triệu đồng
- Các Chương trình MTQG:	1.202.945 triệu đồng
- Đầu tư theo ngành, lĩnh vực và các CTMT:	673.180 triệu đồng
- Vốn Trái phiếu Chính phủ:	191.200 triệu đồng
b. Vốn nước ngoài (ODA):	468.254 triệu đồng
<b>3.2. Chi thường xuyên:</b>	<b>20.862.142 triệu đồng</b>
3.2.1. Chi sự nghiệp kinh tế:	2.187.548 triệu đồng
3.2.2. Chi sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo và dạy nghề:	9.050.993 triệu đồng
3.2.3. Chi sự nghiệp Y tế:	2.524.710 triệu đồng

3.2.4. Chi quản lý hành chính:	3.771.317 triệu đồng
3.2.5. Chi sự nghiệp Văn hóa TT-TDĐT-PTTH:	394.220 triệu đồng
3.2.6. Chi đảm bảo xã hội:	1.490.138 triệu đồng
3.2.7. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	115.497 triệu đồng
3.2.8. Chi sự nghiệp Môi trường:	385.497 triệu đồng
3.2.9. Chi An ninh - Quốc phòng:	340.672 triệu đồng
3.2.10. Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ Đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển dịch vụ tỉnh thông minh:	500.000 triệu đồng
3.2.11. Chi khác ngân sách:	101.550 triệu đồng
<b>3.3. Chi thực hiện các chế độ, chính sách và một số CTMT:</b>	<b>233.407 triệu đồng</b>
<b>3.4. Chi từ nguồn Trung ương bổ sung cân đối ngân sách địa phương:</b>	<b>286.000 triệu đồng</b>
<b>3.5. Chương trình MTQG vốn sự nghiệp:</b>	<b>393.196 triệu đồng</b>
<b>3.6. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:</b>	<b>3.230 triệu đồng</b>
<b>3.7. Dự phòng ngân sách các cấp:</b>	<b>502.587 triệu đồng</b>
<b>4. Thu - chi ngân sách cấp huyện, xã:</b>	
<b>4.1. Thu NSNN trên địa bàn do cấp huyện, xã thu:</b>	<b>6.684.845 triệu đồng</b>
<b>4.2. Nguồn thu ngân sách cấp huyện, xã:</b>	<b>17.053.083 triệu đồng</b>
4.2.1. Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	5.839.433 triệu đồng
4.2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh:	11.213.650 triệu đồng
<b>4.3. Chi ngân sách cấp huyện, xã:</b>	<b>17.232.603 triệu đồng</b>
<i>Trong đó: Chi tiết kiệm cải cách tiền lương để lại NS cấp tỉnh:</i>	<i>179.520 triệu đồng</i>
4.3.1. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	3.500.000 triệu đồng
4.3.2. Chi thường xuyên:	13.523.835 triệu đồng
4.3.3. Chi dự phòng ngân sách:	208.768 triệu đồng
<b>5. Tổng số vay trong năm :</b>	<b>180.300 triệu đồng</b>

## II. ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Đối với các nguồn vốn Trung ương, sau khi có quyết định giao vốn của Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND tỉnh dự kiến phương án phân bổ chi tiết, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh trước khi thực hiện.

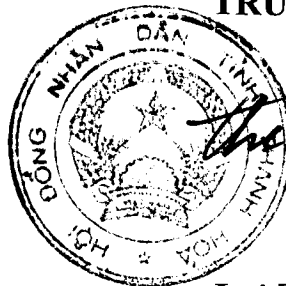
2. Đối với các nội dung chưa phân bổ chi tiết, UBND tỉnh dự kiến phương án phân bổ chi tiết, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh giao sớm cho các địa phương, đơn vị chủ động thực hiện.

Ban Kinh tế - Ngân sách trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Lại Thế Nguyên**